**Tài liệu Triết 1**

**Giáo viên hướng dẫn: Mr. Kiện**



ĐỀ CƯƠNG MÁC LÊ NIN

**Chương I: Nhập môn những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mac LeNin.**

**Câu 1: (6đ) Phân tịch những điều kiện, tiền đề ra đời của chủ nghĩa mác?**

* **ĐK KTXH**: đầu thế kỉ 19, đây là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở các nước Tây âu phát triển mạnh mẽ dẫn tới mâu thuẫn sau sắc giứa LLSX và hang loạt cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân nổ ra như cuộc khởi nghĩa của thợ dệt Lyon( Pháp) năm 1831,1834; phong trào hiến chương ở Anh. Đó là bằng chứng lịch sử thể hiện giai cấp vô sản đã trở thành 1 lực lượng chính trị độc lập, tiên phong trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản đạt ra yêu cầu khách quan là nó phải được soi sang bằng lí luận khoa học.
* **Tiền đề lí luận:**

**+ Triết học cổ điển Đức( đại biểu là Hegen & PhoBach**) :Mác đã kế thừa phép biện chứng của hegen trên cở sở gạt bỏ các yếu tố tâm linh thần bí, đồng thời kế thừa quan niệm duy tâm trong xã hội để xây dựng duy vật biện chứng

**+ Kinh tế chính trị cổ điển anh: ( đại biểu Adam Smit và Ricado):** Mác đã kế thừa tư tưởng tiến bộ về kinh tế, đặc biệt là học thuyết về giá trị của Adam Smit & Ricacdo làm cơ sở xây dựng quan niệm về LS,XH

**+ Chủ nghĩa xã hội không tưởng PHáp : ( Xanh xi mông, Phu rie):** Mác đã kế thừa tư tưởng về XH& biến CNXH ko tưởng thành CNXH khoa học

* **Tiền đề KHTN:**

+ **Định luật bảo toàn và chuyển hóa NL**: là cở sở đề khẳng định rằng các quá trình quang nhiệt điện và rộng hơn là các dạng tồn tại của vật chất không tách rời nhau & chúng liên hệ với nhau trong ĐK nhất định và có thể chuyển hóa cho nhau.

**+ học thuyết tế bào** : là cơ sở khoa học khẳng định thế giới động vật và thực vật không tách rời nhau, có mối lien hệ với nhau, có chung về nguồn gốc hình thái.

**+ Học thuyết tiến hóa Dacuyn**: khẳng định giữa các loài ko phải là bất biến mà chúng có mối lien hệ lẫn nhau & ràng buộc lẫn nhau. Đó là tiêu đề KHTN MÁc lấy làm cơ sở xây dựng học thuyết của mình.

**Câu 2: (4đ )Có thể nói CNDVBC của C. Mac và Ph, Ang Ghen là phép cộng biện chứng của Heghen và chũ nghĩa duy vật của L. Phơ bách được ko? Tại sao ?**

* **Không !!!**
* **Vì** HG là nhà triết học đầu tiên trong LS xây dựng hệ thống triết học hoàn chỉnh nhất, khoa học nhất nhưng phép biện chứng của ông là phép biện chứng duy tâm cho nên Mác chỉ kế thừa phép biện chứng của HG trên cơ sở lọc bỏ các yếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồng thời Mác chỉ kế thừa các quan điểm duy vật của Phơ Bách, gạt bỏ các quan niệm duy tâm về Xh để xd CNDVBC.

**Câu 3: (6đ) Trình bày nội dung vấn đề cơ bản của triết học ?**

* **K/n vấn đề cb của TH**: Theo Ăng *Ghen “ vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt của triết học hiện đại, là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại*”.
* **Hai mặt vấn đề cơ bản của triết học**:
* Mặt thứ nhất trả lời câu hỏi giữa VC & ý thức cái nào có trước, cái nào có sau: có 3 cách trả L

+ C1: ( Các nhà triết học duy vật) Bản chất của TG là VC, VC là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ: vật chất là cái có trước và quyết định ý thức

+ C2 :( Các nhà triết học duy tâm) Bản chất của Tg là ý thức, YT là cái thứ 1, VC là cái thứ 2, YT quyết định VC

+ C3 : (Các nhà triết học nhị nguyên)YT & VC cùng tồn tại, không nằm trong quan hệ quyết định nhau.

* Mặt thứ 2 trả lời câu hỏi con người có nhận thức được Tg ko ?

+ C1 : Hoàn toàn có thể theo các nhà triết học khả tri ( khả tri luận )

+ C2: con người không có khả năng nhận thức TG hoặc chỉ nhận thức được bề ngoài mà ko nhận biết được bản chất- theo các nhà triết học bất khả tri ( bất khả tri luận )

* Mối quan hệ giữa VC & YT là vấn đề Cb của triết học bởi vì:

+ Trong TG có nhiều các SV, HT khác nhau nhưng người ta phân thành 2 cái chính. Đó là hiện tượng vật chất & và YT tinh thần. Mqh Giữa Vc và YT bao chum lên toàn bộ TG

+ Giải quyết các mqh này là cơ sở, là nền tảng giải quyết những vấn đề còn lại của triết học.

+ Giải quyết các mqh này là cơ sở để phân định lập trường tư trưởng TG quan của các nhà triết học cũng như các học thuyết của họ

+ Tất cả các nhà triết học đều trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết các mqh này.

**Câu 4 : (4đ) Tại sao vấn đề qh giữa tư duy và tồn tại hay quan hệ giữa VC và YT được xem là vấn đề cb của Triết học?**

🡺 Trả lời như câu 3.

**Câu 5 : (6đ) Phân tích định nghĩa Vc của Lenin và rút ra ý nghĩa khoa học của định nghĩa?**

* **Quan niện trước Mac về VC :**
* Thời kì cổ đại : KH chưa pt, nhận thức con người hạn chế nên các nhà triết học nhận thức TG1 cách trức quan, cảm tính. Họ đồng nhất VC với nước, lửa , không khí, nguyên tử
* TK 17,18:Cơ học cổ điển của NiuTon phát triển, người ta đề cao vai trò của KL nên các nhà triết học đồng nhất VC & KL
* **Định Nghĩa vật chất của lê nin:** Lênin đã định nghĩa: “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”
* **Phân tích định nghĩa:**
* Vật chất là một phạm trù triết học: là vật chất được nhận thức dưới góc độ triết học chứ không phải của khoa học cụ thể. Hơn nữa đây là nhận thức dưới hình thức phạm trù nghĩa là chỉ ra các đặc trưng, những thuộc tính căn bản phổ biến của VC
* Vật chất chỉ thực tại khách quan: là tất cả những gì tồn tại bên ngoài độc lập ý thức con người, dù con người đã nhận thức được hoặc chưa nhận thức đươc
* Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp hay trực tiếp tác động lên giác quan của con người, ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất, còn Vc là cái được ý thức phản ánh.
* **Ý nghĩa khoa học của định nghĩa:**
* Giải quyết triệt để 2 mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng.
* Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về VC của chủ nghĩa duy vật siêu hình
* Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì là VC hoặc không là VC tạo lập cơ sở lí luận cho việc xd quan điểm duy vật về LS, khác phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về XH.

**Câu 6 : ( 4đ) So sánh quan điểm VC trong lịch sử Triết học duy vật trước C.Mac với quan điểm Vc của Lenin?**

• **Quan niện trước Mac về VC :**

* KH chưa pt, nhận thức con người hạn chế nên các nhà triết học nhận thức TG 1 cách trức quan, cảm tính. Họ đồng nhất VC với nước, lửa , không khí, nguyên tử
* TK 17,18:Cơ học cổ điển của NiuTon phát triển, người ta đề cao vai trò của KL nên các nhà triết học đồng nhất VC & KL
* **Định nghĩa Vc của Lenin:**
* Lênin đã định nghĩa: “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”
* **Theo ĐN**: VC là tất cả những gì tồn tại bên ngoài, độc lập ý thức con người dù con người đã nhận thức được hoặc chưa nhận thức được. Do đó đã khắc phục được những hạn chế trong q niệm về VC của các nhà triết học trước Mác.

**Câu 7(4đ) : Sự phân biệt giữa VC và ý thức là tương đối hay tuyệt đối? Tại sao?**

* **Định nghĩa Vc của Lenin:**
* Lênin đã định nghĩa: “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”
* **Khái niệm ý thức:** là phản ánh của 1 dạng vật chất cao của 1 tổ chức cao, đó là bộ não người. ý thức phản ánh TG vào bộ não người 1 cách năng động sang tạo. **YT** là hình ảnh chủ quan của TG khác quan.
* **Sự phân biệt giữa VC & YT vừa tương đối vừa tuyệt đối**
* Là tuyệt đối bởi vì trong lí luận của CNDVBC thì VC & YT là 2 phạm trù cb đối lập nhau, CV có trước, YT có sau. VC là cái được phản ánh còn YT là cái phản ánh
* Là tương đối bởi vì YT chẳng qua chỉ là TGVC chuyển vào trong bộ não người & được cải biến ở trong đó. H/ảnh trong YT bị TGVC quy định các nd và YT

**Câu 8: ( 4 đ)Tại sao vận động là phương thức tồn tại của VC?**

* **Khái niệm vận động** : là 1 sự biến đổi nói chung, tức là mọi sự biến đổi từ đơn giảm đến phức tạp diễn ra trong TG
* **5 hình thức cơ bản của vận động** :
* Vận động cơ học: sự di chuyển vị trí các vật thể trong KG hoặc biến đổi các mặt trong Đsxh
* Vận động vật lý: là sự vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình nhiệt điện,…
* Vận động hóa học: sự biến đổi các chất VC, HC trong quá trình hóa hợp và phân giải
* Vận động sinh vật: sự trao đổi chất của cơ thể sống và môi trường
* Vận động xã hội: sự thay thế giữa các hình thái KT-XH.
* **Vận động là phương thức tồn tại của VC vì :**
* ở đâu có VC thì ở đó có vận động, ko có VC thì ko có vận động
* Tất cả các dạng vc trong TG đều biểu hiện sự tồn tại của mình thong qua vận động
* Nguồn gốc của vận động nằm trong chính bản than sự vật, tức là quá trình tự thân vận động.

**Câu 9: ( 4đ) Đứng im có phải là một hình thức vận động không? Vì sao ?**

* **Khái niệm vận động :** là 1 sự biến đổi nói chung, tức là mọi sự biến đổi từ đơn giảm đến phức tạp diễn ra trong TG
* **5 hình thức cơ bản của vận động:**
* Vận động cơ học: sự di chuyển vị trí các vật thể trong KG hoặc biến đổi các mặt trong Đsxh
* Vận động vật lý: là sự vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình nhiệt điện,…
* Vận động hóa học: sự biến đổi các chất VC, HC trong quá trình hóa hợp và phân giải
* Vận động sinh vật: sự trao đổi chất của cơ thể sống và môi trường
* Vận động xã hội: sự thay thế giữa các hình thái KT-XH.
* **Đứng im là 1 hình thức vận động đặc biệt:** đó là sự vận động trong trạng thái cân bằng ổn định trong sự vật. Đứng im chỉ sảy ra trong 1 quan hệ xác định & 1 hình thức vận động xác định. Do đó đứng im là 1 tương đối tạm thời,còn vận động là tuyệt đối.

**Câu 10: ( 6đ ) Quan điểm của CNDVBC về nguồn gốc và bản chất của YT?**

* **Nguồn gốc ý thức**
* **Nguồn gốc tự nhiên:**

**+ Khái niệm phản ánh**: là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vc này ở dạng vc khác trong quá trình tác động qua lại lẫn nhau giữa chúng

**+ 3 hình thức phản ánh:**

++ **Phản ánh lý hóa**: là hình thức phản ánh thấp nhất, đặc trưng cho vc vô sinh. Phản ánh này thế hiện qua những biến đổi về cơ, lý , hóa khi có sự tác động qua lại giữa các vật chất vô sinh

+ + **Phản ánh sinh vật**: là hình thức phản ánh cáo hơn, dặc trưng cho giới thiệu tự nhiên hữu sinh. Phản ánh sinh vật được thể hiện thông qua 3 trình độ cơ bản đó là: tính kích thích, tính cảm ứng & tâm lý động vật

+ + **Phản ánh ý thức**: là hình thức phản ánh cao nhất, đặc trưng riêng có ở con người, được thực hiện qua quá trình hoạt động sinh lí thần kinh của bộ não người khi thế giới khách quan tác động lên các giác quan của cong người. Đây là sự phản ánh có tính chủ động lựa chọn thông tin, xử lí thông tin để tạo ra những thông tin mới, phát hiện ý nghĩa của thông tin. Sự phản ánh này gọi là ý thức.

* ***Đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức***
* **Nguồn gốc xã hội**

+ Thông qua quá trình lạo động sản xuất, bộ não người & các giác quan hoàn thiện năng lực phản ánh của bộ não ngày càng phát triển. Đồng thời thông qua các quá trình lao động ngôn ngữ được hình thành. Ngôn ngữ là phương tiện để truyền đạt thông tin & lưu giữ thông tin. Đặc biệt ngôn ngữ có khả năng khái quát hóa các tri thức & tổng kết hoạt động thực tiễn của con người. Nếu không có ngôn ngữ thì không có ý thức. Đó là nguồn gốc trực tiếp quyết định sự ra đời của YT. Đó là quá trình lao động sản xuất, hoạt động thực tiễn của con người.

* ***Đó là nguồn gốc xã hội của ý thức***
* **Bản chất ý thức**
* Ý thức là sự phản ánh có tính chất năng động, sang tạo. Trên cở sở những cái đã có trước, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể tưởng tượng ra cái không có trong thực tế, có thế tiên đoán,dự báo tương lại, lý thuyết khoa học
* Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan
* Ý thức là 1 hiện tượng xã hội mang bản chất xã hội. Ý thức chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, xã hội.

**Chương 2: Phép biện chứng duy vật**

**Câu 1: ( 6đ) Phân tích nội dung nguyên lí về mối liên hệ phổ biến và ý nghĩa phương pháp luận của \_\_\_\_nguyên lí ( Phân tích cơ sở lí luận của quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể )?**

* **Khái niệm**
* **Mối liên hệ**: dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt,các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong TG.
* **Mối liên hệ phổ biến**: dùng để chỉ mối liên hệ phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng của thế giới, đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở nhiều sư vật, hiện tượng của thế giới, trong đó mói liên hệ phổ biến nhất đó là những mối liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng của TG. Đó là các mối liên hệ giữa: các mặt đối lập, chất và lượng, khẳng định và phủ định, cái chung và cái riêng**,…**
* **Tính chất mối liên hệ:**
* **Tính khách quan:** mọi mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là khách quan, là cái vốn có của mọi sự vật, hiện tượng; con người chỉ nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình**.**
* **Tính phổ biến:** Mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện :

+ Thứ nhất : bất cứ sự vật nào cũng liên hệ với sự vật, hiện tượng khác.

+ Thứ hai : bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấu thành với những mỗi liên hệ bên trong nó, xảy ra trong mọi lĩnh vực TNXH & Tư duy

* **Tính đa dạng phong phú:** sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có mối liên hệ khác nhau, giữ vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặt khác cùng một mối liên hệ nhất định, ở những giai đoạn khác nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật thì cũng có những tính chất và vai trò khác nhau.

Quan điểm về tính phong phú, đa dạng của mối liên hệ còn bao hàm quan niệm về sự phong phú, đa dạng của các mối liên hệ phổ biến ở các mối liên hệ đặc thù trong mỗi sự vật, hiện tượng, mỗi quá trình cụ thể, trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể

* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
* **Quan điểm toàn diện**: đòi hỏi trong nhận thức cần xem xét sự vật trong mối liên hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố
* **Quan điểm lịch sử-cụ thể**: yêu cầu trong việc nhận thức và xử lí các tình huống trong hoạt động thực tiễn cần phải xét đến những tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống phải giải quyết khác nhau trong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, không gian cụ thể

**Câu 2: (6đ) Phân tích nội dung nguyên lí về sự phát triển và ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lí? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(Phân tích cơ sở lí luận của quan điểm phát triển )?**

* **Khái niệm về sự phát triển:**
* **Quan điểm siêu hình cho rằng:** phát triển chỉ là sự tăng giảm đơn thuần về mặt số lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật; đồng thời, coi trọng sự phát triển là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co, phức tạp.
* **Quan điểm duy vật biện chứng:** *Khái niệm phát triển* dùng để chi quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.
* **Những tính chất cơ bản của sự phát triển:**
* **Tính khách quan của sự phát triển**: biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản than sự vật, hiện tượng; là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó.
* **Tính phổ biến của phát triển**: được thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra ở mọi lĩnh vực tự nhiên xã hội, tư duy; trong tât cả mọi sự vật, hiện tượng và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật, hiện tượng đó.
* **Tính đa dạng, phong phú của phát triển:** mỗi sự vật, hiện tượng có quá trình phát triển khác nhau. Tồn tại ở không gian, thời gian khác nhau, sự vật phát triển sẽ khác nhau.
* **Tính kế thừa :** các quá trình phát triển phải dựa trên cơ sở các quá trình trước nó.
* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
* Quan điểm phát triển đòi hỏi phải khác phụ từ tưởng bảo thử, trì trệ, định kiến, đối lập với sự phát triển.
* Quan điểm phát triển đòi hỏi nhận thức và giải quyết bất cứ vấn đề gì trong thực tiễn. một mặ, cần phải đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên của nó; mặt khác con đường của sự phát triển là một quá trình biện chứng, cần phải có *quan điểm* *lịch sử- cụ thể* trong việc nhận thức và giải quyết vấn đề của thực tế.

**Câu 3: ( 6đ) Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù cái chung và cái riêng? Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù này?**

* **Các khái niệm:**
* **Cái riêng** là một phạm trù triết học dùng để chỉ một sự vật, hiện tượng hay một quá trình riêng lẻ nhất định
* **Cái chung** là một phạm trù triết học, dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung không những có ở 1 kết cấu vật chất nhất định mà còn được lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng riêng lẻ khác.
* **Cái đơn nhất** là một phạm trù dùng để chỉ những nét, những mặt, những thuộc tính,… chỉ tồn tại ở một sự vật, hiện tượng nào đó mà không lặp lại ở các sự vật, hiện tượng khác.
* **Mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng, cái chung:**

Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng cả cái riêng, cái chung, cái đơn nhất đều tồn tại khách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Mối quan hệ đó được thể hiện qua các điểm sau:

* **Thứ nhất**, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình. Không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái riêng
* **Thư hai**, cái riêng chỉ tồn tại trong quan hệ với cái chung, không có cái riêng nào tồn tại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.
* **Thứ ba**, cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài những điểm chung, cái riêng còn có cái đơn nhất
* **Thứ tư**, cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộc tính, những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùng loại. Do vậy, cái chung là cái gắn liền với bản chất, quy định phương hướng tồn tại và phát triển của cái riêng.
* **Thứ 5**, cái đơn nhất và cái chung có thế chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật:

+ Sự chuyển hóa từ cái đơn nhất thành cái chung là biểu hiên quá trình cái mới ra đời thay thế cái cũ

+ Sự chuyển hóa từ cái chung thành cái đơn nhất là biểu hiện của quá trình cái cũ, cái lỗi thời bị phủ định.

* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
* Muốn biết được cái chung, cái bản chất thì phải xuất phát từ cái riêng, từ những sự vật, hiện tượng riêng lẻ, bởi vì cái chung nằm trong cái chung thông qua cái riêng thể hiện sự tồn tại của mình
* Trong hoạt động thực tiễn, nếu thấy sự chuyển hóa nào có lợi thì ta cần chủ động tác động vào để nó nhanh chóng trở thành hiện thực.

**Câu 4 : ( 6đ) Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả? Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù này?**

* **- Nguyên nhân** là phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra một biến đổi nhất định nào đó
* **Kết quả** là những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.
* **Tính chất mối liên hệ nhân quả:**
* **Tính khách quan:** mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không phụ thuộc vào ý thức con người.
* **Tính phổ biến**: mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra, chỉ có điều là nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa mà thôi
* **Tính tất yếu:** một nguyên nhân nhất định, trong điều kiện hoàn cảnh nhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.
* **Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả:**
* **Nguyên nhân** là cái sinh ra kết quả nên nguyên nhân luôn là cái có trước kết quả. Tuy nhiên, không phải mọi sự nối tiếp nhau nào về mặt thời gian cũng là mối liên hệ nhân quả. Trong thực tế, mối liên hệ nhân quả diễn ra rất phức tạp.

+ Một nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả.

+ Một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân sinh ra.

* **Kết quả** tác động trở lại nguyên nhân theo hai hướng tích cực & tiêu cực, nguyên nhân và kết quả có thể thay đổi vị trí cho nhau.
* **Ý nghĩa phương pháp luận của cặp phạm trù: Mọi hiện tượng đều có nguyên nhân của nó**
* Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật, hiện tượng.
* Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúng đắn.
* Phải tận dụng các kết quả đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm đạt được mục đích đề ra.

**Câu 5 : ( 4 đ) Có thể đồng nhất quan hệ hàm số và quan hệ nhân quả được hay không? Tại sao?**

* **Định nghĩa nguyên nhân, kết quả:**
* **Nguyên nhân**: là phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất định nào đó**.**
* **Kết quả** là những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.
* **KHÔNG** thể đồng nhất quan hệ hàm số và quan hệ nhân quả được Vì:
* Trong quan hệ hàm số y=f(x) với mỗi giá trị của x cho ta 1 giá trị y tương ứng ( Chỉ 1 giá trị y)
* Trong quan hệ nhân quả diễn ra phức tạp. 1 nguyên nhân sinh ra nhiều kết quả, nhiều nguyên nhân sinh ra 1 kết quả. Hơn nữa quan hệ nhân quả mang tính khách quan còn quan hệ hàm số không có tính khách quan.

**Câu 6 : (6 đ) Trình bày nội dung quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về Lượng thành sự thay đổi về Chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn?**

* **Vai trò quy luật**: Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại là quy luật cơ bản, phổ biến thể hiện hình thức và cách thức của các quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.
* **Phân tích nội dung quy luật**
* **Chất:** Là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với cái khác.
* **Lượng:** là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động, phát triển của sự vật.
* **Từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất:**

+ **Chất và lượng là 2 mặt đối lập**, chất tương đối ổn định còn lượng thường xuyên biến đổi xong hai mặt đó không thể tách rời nhau mà tác động qua lại với nhau một cách biện chứng sự thống nhất giữa chất và lượng trong 1 **độ** nhất định khi sự vật đang tồn tại.

**+ Độ** là phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản chất của sự vật, hiện tượng

**+** **Điểm nút** là thời điểm mà tại đó diễn ra sự thay đổi về chất

**+ Bước nhảy** là sự kết thúc một giai đoạn vận động, phát triển nhưng là điểm khởi đầu cho một giai đoạn mới. nó là sự gián đoạn trong quá trình vận động và phát triển liên tục của sự vật.

* **Sự thay đổi về chất tác động sự thay đổi về lượng**: Chất mới của sự vật chỉ xuất hiện khi sự thay đổi về lượng đạt đến điểm nút khi sự vật mới ra đời với chất mới lại có 1 lượng mới phù hợp tạo nên sự thống nhất mới giữa chất và lượng, sự tác động của chất mới đối với lượng mới biểu hiện ở quy mô tồn tại nhịp điệu sự vận động.
* **Nội dung cơ bản của quy luật**: Bất kì sự vật nào cũng là thống nhất giữa chất và lượng, sự thay đổi dần dần về lượng quá giới hạn của độ sẽ dẫn tới sự thay đổi căn bản về chất của sự vận động thông qua bước nhảy, chất mới ta đời sẽ tác động trở lại tới sự thay đổi của lượng.
* **Ý nghĩa phương pháp luận:**
* **Quan điểm toàn diện** đòi hỏi trong nhận thức cần xem xét sự vật trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố.
* **Quan điểm lịch sử- cụ thể** yêu cầu trong việc nhận thức và xử lí các tình huống trong hoạt động thực tiễn cần phải xét đến những tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống phải giải quyết khác nhau trong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, không gian cụ thể.

**Câu 7 : ( 4đ) Sự phận biệt giữa Chất và Lượng là tương đối hay tuyệt đối? Vì sao?**

* **Khái niệm:**
* **Chất:** Là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với cái khác.
* **Lượng**: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động, phát triển của sự vật
* **Chỉ là tương đối vì**: chất và lượng là 2 mặt thống nhất với nhau trong sự vật, mỗi sự vật hiện tượng có nhiều thuộc tính, tính chất, có những thuộc tính trong mối liên hệ này là chất của sự vật nhưng xét trong mối quan hệ khác lại là lượng của sự vật.

**Câu 8 : (4đ) Hãy lấy ví dụ cụ thể và phân tích ví dụ đó theo phương pháp luận được rút ra từ quy luật Lượng – Chất.?**

* VD về Nước ( sôi ở 100 độ C, Bằng 0 độ,…) Vận dụng câu 6 ở trên

**Câu 11 : (6đ) Trình bày vai trò của thực tiễn đối với nhân thức. Ý nghĩa của nó trong quá trình học tập của sinh viên.?**

* **Khái niệm thực tiễn**: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên & xã hội
* **Tính chất của hoạt động thực tiễn:**

+ là hoạt động có tính chất cộng đồng xã hội

+ là hoạt động có tính lịch sử xã hội

+ là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người

* **Các hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn:**

+ Hoạt động sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên tạo ra của cải Vc cho XH

+ Hoạt động chính trị- xã hội là hoạt động của các tô chức xã hội nhằm thúc đẩy các mặt của đời sống phát triển.

+ Hoạt động thực nghiệm khoa học là hoạt động trong môi trường gần giống với TN, quá trình hoạt động được lặp đi lặp lại, nhằm tìm ra chất của đối tượng nhận thức.

* Các hoạt động trên có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó hoạt động sản xuất vc đóng vai trò quyết định nhất.
* **Vai trò thực tiễn đối với nhận thức:**
* **Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:**

+ Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó không tự bộc lộ các thuộc tính, nó chỉ bộc lộ khi con người tác động vào bằng hoạt động thực tiễn.

+ Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trình vận động đó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thực tiễn.

* **Thực tiễn là mục đích của nhận thức**: Những tri thức con người đạt được thông qua quá trình nhận thức phải áp dụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thông qua thực tiễn. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các nghành khoa học
* **Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra chân lí**: Những tri thức mới, thông qua nhân thức con người có được, để kiểm tra tính đúng đắn của nó, phải dựa trên thực tiễn. Thực tiễn là thước đo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

**Câu 16 : ( 4đ) Có thể đồng nhất Chất của sự vật với thuộc tính của sự vật được hay không? Tại Sao?**

* **Khái niệm chất:** Là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với cái khác.
* **Khái niệm thuộc tính:** đặc tính riêng vốn có của một sự vật, nhờ đó sự vật tồn tại và qua đó con người nhận thức được sự vật, phân biệt được sự vật này với sự vật khác
* **Không thể** **đồng nhất Chất của sự vật với thuộc tính của sự vật được** vì mỗi sự vật là sự thống nhất hữu cơ giữa các thuộc tính. Chỉ những thuộc tính cơ bản mới tạo nên chất của sự vật. Mỗi thuộc tính chỉ thể hiện chất của sự vật các mối quan hệ khác nhau. Một sự vật có nhiều thuộc tính cho nên 1 sự vật có nhiều chất.

**Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.**

**Câu 1 (6đ): Phân tích nội dung quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX? Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào trong quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta? ( *Cố mà thuộc câu này, học 1 được 3 đấy )***

1. ***Phân tích nội dung quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX***

* **Khái niệm phương thức sản xuất** dùng để chỉ những cách thức mà con người sử dụng để tiến hành quá trình sản xuất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định
* **Khái niện LLSX** là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố Vc & tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến thế giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. LLSX là nhân tố có tính sáng tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử.
* **Kết cấu LLSX**: các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Trình độ phát triển của LLSX** phản ánh trình độ chinh phục thế giới tự nhiên của con người
* **Khái niệm QHSX** : Quan hệ sản xuất là nhưng mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội). Quan hệ sản xuất gồm ba mặt: quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất, quan hệ phân phối sản phẩm sản xuất ra.
* **Kết cấu của QHSX gồm :** Quan hệ sở hữu đối với tự liệu sản xuất; quan hệ trong tổ chức, quản lí quá trình sản xuất; quan hệ trong phân phối kết quả của quá trình sản xuất đó
* **Nội dung quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản** **xuất** là quy luật kinh tế khách quan, xác định mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, thể hiện trong tất cả các hình thái kinh tế - xã hội.

1. **Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này trong quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta:**

* **Chủ trương phát triển LLSX ở nước ta**

+ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước

+ Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực CLC

* **Đổi mới cơ cấu QHSX trong nền kinh tế**

+ Cổ phần hóa các doanh nghiệp lớn của nhà nước

+ Cơ cấu lại các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn kinh tế lớn của nhà nước

**Câu 2: (4đ)Tại sao nói công cụ lao động là yếu tố động nhất và cách mạng trong LLSX.**

* **Khái niệm LLSX:**là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố Vc & tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến thế giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. LLSX là nhân tố có tính sáng tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử
* **Kết cấu LLSX**: các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Trong các yếu tố trên yếu tố công cụ lao động là Cách mạng vì**:
* Do trình độ, nhận thức con người ngày càng cao, hành vi kĩ năng ngày càng hoàn thiện nên con người luôn sáng tạo công cụ lao động mới
* Do nhu cầu của con người ngày càng tăng cao, nên để đáp ứng nhu cầu đó thì con người luôn luôn cải cách kĩ thuật; sản xuất, cải tiến các công cụ cao

**Câu 3: (4đ)Tại sao nói trong kết cấu của LLSX, người lao động là LLSX hàng đầu?**

* **Khái niệm LLSX:**là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố Vc & tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến thế giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. LLSX là nhân tố có tính sáng tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử
* **Khái niệm trình độ LLSX**: là khả năng của con người thực hiện quá trình biến đổi và thích nghi với thế giới tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của mình thông qua công cụ lao động, tổ chức lao động xã hội và ứng dụng khoa học vào SX
* **Kết cấu LLSX**: các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Trên các yếu tố trên, người lao động là LLSX hàng đầu vì**: Suy cho cùng thì cá TLSX, đặc biệt là công cụ lao động được sáng tạo ra, giá trị và hiệu quả của TLSX vào trình độ và sự sáng tạo của con người. Hơn nữa phản ánh rõ nét trình độ của LLSX, khả năng chinh phục tự nhiên của con người.

**Câu 4: Như thế nào là sự phù hợp và không phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX?**

* **Khái niện LLSX** là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố Vc & tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến thế giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. LLSX là nhân tố có tính sáng tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử.
* **Kết cấu LLSX:** các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Trong các yếu tố trên yếu tố công cụ lao động là Cách mạng vì:**
* Do trình độ, nhận thức con người ngày càng cao, hành vi kĩ năng ngày càng hoàn thiện nên con người luôn sáng tạo công cụ lao động mới
* Do nhu cầu của con người ngày càng tăng cao, nên để đáp ứng nhu cầu đó thì con người luôn luôn cải cách kĩ thuật; sản xuất, cải tiến các công cụ cao
* **Khái niệm trình độ LLSX:** là khả năng của con người thực hiện quá trình biến đổi và thích nghi với thế giới tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của mình thông qua công cụ lao động, tổ chức lao động xã hội và ứng dụng khoa học vào SX.
* **Khái niệm QHSX :** Quan hệ sản xuất là nhưng mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội). Quan hệ sản xuất gồm ba mặt: quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất, quan hệ phân phối sản phẩm sản xuất ra.
* **Kết cấu LLSX:** các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Phù hợp và không phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX vì:** QHSX là hình thức xã hội của quá trình sản xuất còn LLSX là nd, vật chất, kĩ thuật của quá trình SX. LLSX quyết định QHSX nhưng QHSX tác động ngược lại LLSX theo 2 hướng.

+ Nếu QHSX tác động lại LLSX theo hướng **tích cực** sẽ **thúc đẩy** các mặt của LLSX phát triển, khi đó ta nói QHSX **phù hợp** với trình độ phát triển của LLSX

+ Ngược lại, nếu QHSX tác động lại LLSX theo hướng **tiêu cực** sẽ **kìm hãm** các yếu tố của LLSX, khi đó ta nói QHSX **không phù hợp** với trình độ phát triển của LLSX

**Câu 5: Tại sao nói ngày nay khoa học trở thành LLSX trực tiếp?**

* **Khái niện LLSX** là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố Vc & tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến thế giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. LLSX là nhân tố có tính sáng tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử.
* **Kết cấu LLSX**: các nhân tố thuộc về người lao động( như năng lực, kỹ năng, trí thức… của người lao động); các tư liệu sản xuất ( như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất,…)
* **Trong các yếu tố trên yếu tố công cụ lao động là Cách mạng vì:**

+ Do trình độ, nhận thức con người ngày càng cao, hành vi kĩ năng ngày càng hoàn thiện nên con người luôn sáng tạo công cụ lao động mới

+ Do nhu cầu của con người ngày càng tăng cao, nên để đáp ứng nhu cầu đó thì con người luôn luôn cải cách kĩ thuật; sản xuất, cải tiến các công cụ cao

* **Khái niệm trình độ LLSX**: là khả năng của con người thực hiện quá trình biến đổi và thích nghi với thế giới tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của mình thông qua công cụ lao động, tổ chức lao động xã hội và ứng dụng khoa học vào SX.
* **Ngày nay khoa học trở thành LLSX trực tiếp vì:**
* **Khoa học** phát triển phát triển tác động trực tiếp tới con người; TLSX phát triển tác động trực tiếp tới người lao động, giúp con người nhận thức sâu sắc hơn về thế giới, giúp kĩ năng con người ngày càng hoàn thiện
* **Khi khoa học phát triển** là cơ sở để con người sáng tạo ra các công cụ lao động mới, đặc biệt khi khoa học phát triển thì con người mới có điều kiện sáng tạo ra các vật liệu mới từ đó sẽ sáng tạo ra những sản phẩm mới phục vụ nhu cầu xã hội.

**Câu 6: (6đ) Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT? Liên hệ với thực tiễn ở nước ta hiện nay?**

* **Cơ sở hạ tầng:** Chỉ toàn bộ những QHSX lập thành cơ cấu kinh tế của xã hội
* **Kết cấu của CSHT**: Quan hệ SX thống trị, QHSX tàn dư, QHSX mầm mống. Trong đó QHSX thống trị chiếm vị trí chủ đạo và giữ vai trò đặc trưng cho nền KT của một XH nhất định.
* **Kiến trúc thượng tầng:**Dùng để chỉ hệ thống kết cấu các hình thái ý thức của XH ( Chính trị, pháp quyền, tôn giáo,..) cùng với các thiết chế chính trị- xã hội tương ứng ( nhà nước, chính đảng, giáo hội,…) được hình thành trên một CSHT nhất định
* **Mối quan hệ giữa CSHT & KTTT:**
* **CSHT quyết định KTTT:**

+ Mỗi CSHT đều xây trên đó 1 KTTT tương ứng, mọi sự thay đổi của KTTT đều do CSHT quy định, khi CSHT thay đổithì sớm hay muộn KTTT cũng thay đổi theo.

* **KTTT tác động ngược trở lại CSHT ( chủ yếu là sự điều tiết của nhà nước ) theo 2 hướng :**

**+** Nếu phù hợp sẽ thúc đẩy nền KT phát triển.

**+** Nngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế nếu không phù hợp.

* **Liên hệ với thực tiễn nước ta hiện nay: ( tự chém nhá )**
* **Về CSHT**: Nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH,….
* **Về KTTT:**

+ Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mac- Lenin và Tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng , xây dựng hệ thống chính trị XHCN. Thực hiện dân chủ CNXH.

+ Xây dựng nhà nước “ của dân, do dân và vì dân “.

+ Phát triển nền tảng văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộ,…

**Câu 7: (6đ) Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội ?**

* **Khái niệm tồn tại xã hội** là phương diện sinh hoạt vật chất & những điều kiện sinh hoạt vật chất trong XH.
* **Kết cấu**: Tồn tại xã hội bao gồm phương thức sản xuất, điều kiện địa lý và dân số. Trong đó PTSX giữ vai trò quyết định
* **Khái niệm ý thức xã hội:** là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, …) nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.
* **Kết cấu ý thức xã hội:**

**+ Căn cứ vào lĩnh vực phản ánh :** gồm ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức triết học, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức nghệ thuật, ý thức khoa học.

**+ Căn cứ vào trình độ phản ánh:** gồm ý thức XH thông thường và ý thức lý luận

**+ Căn cứ vào tính tự phát hay tự giác của qua trình phản ánh**, người ta chia thành tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội

* **Ý thức xã hội thể hiện thông qua ý thức cá nhân**: Ý thức cá nhân là thế giới tinh thần của mỗi con người cụ thể
* **Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội**
* **Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội:**

+ Ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội và mọi sự thay đổi của ý thức XH đều do tồn tại XH quyết định, khi TTXH thay đổi thì YTXH cũng thay đổi theo.

* **KTTT tác động ngược trở lại CSHT ( chủ yếu là sự điều tiết của nhà nước ) theo 2 hướng :**

+ Nếu phù hợp sẽ thúc đẩy nền KT phát triển.

+ Ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế nếu không phù hợp.

**Câu 8: Trình bày tính độc lập tương đối của ý thức xã hội, sinh viên đã phát huy tính độc lập tương đối của ý thức xã hội như thế nào trong quá trình học tập?**

* **Tính độc lập tương đối của YTXH:**
* **Ý thức XH thường lạc hậu hơn tồn tại XH vì:**

+ Ý thức xã hội là cái phản ánh tồn tại xã hội nên nó có sau tồn tại xã hội

+ Do sức mạnh của phong tục, tập quán, truyền thống cũng như do tính bảo thủ của một só hình thái ý thức xã hội, mặt khác tồn tại xã hội có tính biến đổi nhanh, ý thức xã hội không phản ánh kịp thời

+ Ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những giai cấp nhất định

* **Ý thức XH có thể vượt trước tồn tại xã hội:**Trong điều kiện nhất định, tư tưởng con người, tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước tồn tại xã hội
* **Ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển:** Do ý thức XH bao giờ cũng phát triển trên nền tảng có trước.
* **Thể hiện** qua sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hình thái, YTXH. Sự tác động trở lại của YTXH đối với TTXH.
* **Sinh viên đã phát huy tính độc lập tương đối của ý thức xã hội:….** Tuỳ hứng mà chém.

**Câu 9: (4đ) Tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội ? cho ví dụ minh hoạ ?**

* **Khái niệm tồn tại xã hội** là phương diện sinh hoạt vật chất & những điều kiện sinh hoạt vật chất trong XH.
* **Kết cấu:** Tồn tại xã hội bao gồm phương thức sản xuất, điều kiện địa lý và dân số.
* **Khái niệm thức xã hội:** là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, …), nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.
* **Ý thức XH thường lạc hậu hơn tồn tại XH vì:**
* Ý thức xã hội là cái phản ánh tồn tại xã hội nên nó có sau tồn tại xã hội
* Do sức mạnh của phong tục, tập quán, truyền thống cũng như do tính bảo thủ của một só hình thái ý thức xã hội, mặt khác tồn tại xã hội có tính biến đổi nhanh, ý thức xã hội không phản ánh kịp thời
* Ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những giai cấp nhất định
* Vì vậy những tư tưởng lạc hậu thường được các lực lượng xã hội phản động lưu trữ và truyền bá nhằm chống lại những lực lượng xã hội tiến bộ.
* **Ví dụ**: một số vùng quê ở VN tuy điều kiện kinh tế phát triển nhưng vẫn còn phong tục, tập quán lạc hậu như: ma chay, tảo hôn,…

**Hà Nội 29/12/2016**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**